

Số: 146/TB-TQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2023  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGHIÊN CỨU  
VÀ TÁC NGHIỆP MARKETING, KHÓA 11 (2023 – 2025)**

**I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <i>Chuyên ngành đào tạo:</i> | <b>Nghiên cứu và Tác nghiệp Marketing</b>  |
| <i>Thời gian đào tạo:</i>    | 18 tháng (Học ngoài giờ hành chính; 12 tháng hoàn thành các học phần, 6 tháng hoàn thành luận văn tốt nghiệp)  |
| <i>Ngôn ngữ đào tạo:</i>     | Tiếng Anh  |
| <i>Mô hình đào tạo:</i>      | Liên kết với Trường ĐH Nantes (CH Pháp). Học toàn phần tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN   |
| <i>Văn bằng:</i>             | Học viên tốt nghiệp được Trường Đại học Nantes cấp bằng Thạc sĩ Luật, Kinh tế, Quản lý, ngành Marketing, bán hàng, chuyên ngành Nghiên cứu và Tác nghiệp Marketing |
| <i>Chỉ tiêu tuyển sinh:</i>  | 15 học viên/khóa   |
| <i>Nội dung đào tạo:</i>     | Chương trình bao gồm 24 học phần và đồ án tốt nghiệp (60 tín chỉ)  |
| <i>Khung chương trình:</i>   |  |

| <b>Khối kiến thức 1: Hiểu biết môi trường kinh doanh và doanh nghiệp</b> |   | <b>Khối kiến thức 3: Nghiên cứu định tính</b>  |   |
|--|---|--|---|
| 1  | Phân tích chiến lược đa dạng cạnh tranh         | 9  | Phương pháp định tính                           |
| 2  | Hành vi người tiêu dùng                         | 10   | Ký hiệu học                                     |
| 3  | Luật sở hữu trí tuệ và công nghiệp              | 11   | Khoa học xã hội nhân văn và phân tích dữ liệu   |
| 4  | Luật tiêu dùng và cạnh tranh                    | 12   | Phân tích dữ liệu văn bản                       |
| <b>Khối kiến thức 2: Công cụ thiết kế và truyền thông</b>                |   | <b>Khối kiến thức 4: Nghiên cứu định lượng</b> |   |
| 5  | Nghiên cứu theo đặt hàng và thiết kế nghiên cứu | 13   | Thiết kế bảng hỏi, chọn mẫu và thu thập dữ liệu |
| 6  | Công cụ truyền thông                            | 14   | Dự báo bán hàng và kênh thông tin               |
| 7  | Tư duy thiết kế                                 | 15   | Xử lý dữ liệu nghiên cứu định lượng             |
| 8  | Tiếng Pháp và Văn hóa Pháp                      | 16   | Các kỹ thuật mới trong phân tích dữ liệu        |
| <b>Khối kiến thức 5: Quyết định và hành động marketing</b>               |   | <b>Khối kiến thức 6: Thâm nhập nghề nghiệp</b> |   |
| 17   | Marketing dịch vụ                               | 21   | Hội thảo chuyên đề                              |
| 18   | Marketing mua và phân phối                      | 22   | Phân đoạn thị trường                            |
| 19   | Marketing tác nghiệp và mạng xã hội             | 23   | Quản lý dự án Marketing                         |
| 20   | Phát triển ra phạm vi quốc tế                   | 24   | Dự án cá nhân và nghề nghiệp                    |
|  |   | 25   | Đồ án tốt nghiệp                                |

## II. LỢI THẾ KHI THEO HỌC CHƯƠNG TRÌNH

- Có cơ hội học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ, tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài;

- Giảng viên, chuyên gia nước ngoài có trình độ cao tham gia giảng dạy 30% - 50% thời lượng chương trình đào tạo;

- Nội dung chương trình đào tạo cập nhật, có tính ứng dụng cao;

- Có cơ hội làm việc, giao lưu, học hỏi cùng mạng lưới các học viên, cựu học viên của Trường Quốc tế và học viên quốc tế đến từ các trường đại học đối tác của Trường Quốc tế;

- Tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (15.281 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, dịch vụ tư vấn và tập huấn kỹ năng học tập, nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Trường Quốc tế) và của ĐHQGHN (kho tài liệu in với 125.000 tên tài liệu tương đương 450.000 bản tài liệu; 500 tên ấn phẩm định kỳ; 25.000 tên luận văn, luận án; 2.000 đề tài kết quả nghiên cứu. Kho tài liệu số bao gồm 50.000 tên tài liệu tương đương với 3 triệu trang tài liệu. CSDL trực tuyến: Sciences Direct, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald).

## III. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ HỌC PHÍ

### 3.1. Điều kiện xét tuyển

#### a. Điều kiện văn bằng và kinh nghiệm công tác

Ứng viên có bằng cử nhân đạt từ loại Khá trở lên (do các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp), bằng tương đương bằng BAC+4 và đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm công tác như sau:

- Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành phù hợp (Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý dự án, Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo.

- Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Marketing và chứng chỉ/chứng nhận (certificate) tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự tuyển. (Chuyên môn đào tạo gồm các kiến thức và kỹ năng về Quản trị, Kinh doanh, Thương mại, Marketing, và các nhóm kiến thức và kỹ năng về quản trị khác; Chứng chỉ/chứng nhận đào tạo ngắn hạn do các Trung tâm/Trường đại học/Khoa có chức năng tổ chức và cấp chứng chỉ/chứng nhận).

#### b. Đáp ứng một trong các yêu cầu ngoại ngữ

Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học

phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí sinh có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển).

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2).

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương khác còn trong thời hạn có giá trị;  
*c. Đạt yêu cầu phỏng vấn do Trường Quốc tế và đối tác tổ chức.*

Ứng viên chỉ được công nhận trúng tuyển khi được Trường Quốc tế và Trường Đại học Nantes cùng công nhận là đáp ứng các yêu cầu tuyển sinh của chương trình.

Các yêu cầu tuyển sinh có thể được điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đối tác.

### **3.2. Hồ sơ dự tuyển:**

- Đơn xin nhập học (theo mẫu);
- Sơ yếu lí lịch;
- Bản sao Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học;
- Bản công chứng dịch sang tiếng anh Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học;
- Bản sao công chứng Giấy khai sinh;
- Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu;
- Minh chứng công nhận công tác;
- Bản sao công chứng CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu;
- Giấy khám sức khỏe
- 04 ảnh 3x4.

**4. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn.

**5. Hạn nộp hồ sơ và lịch phỏng vấn (dự kiến):** Tháng 6 và tháng 10/2023.

**6. Nhập học (dự kiến):** Tháng 11/2023 (Việc nhập học bổ sung sẽ được tổ chức nếu còn chỉ tiêu).

**7. Lệ phí xét tuyển:** 800.000 VND (nộp cùng hồ sơ đăng kí dự tuyển và không thu thêm bất kì lệ phí khác).

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Quốc tế hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường Quốc tế - ĐHQGHN theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Số tài khoản: **0711 000 305888**
- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân**

- Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ tên thí sinh, ngày sinh, ngành ứng tuyển**

**8. Học phí: 173.040.000 VND/học viên/khóa học (Một trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng./).**

- Học phí được chia đóng làm 03 đợt;

- Mức học phí không thay đổi trong toàn bộ khóa học nếu học viên học tập theo đúng kế hoạch đào tạo của nhà Trường;

- Học phí đã bao gồm tiền teabreak giữa giờ, giáo trình và tài liệu học tập;  
 - Học phí không bao gồm kinh phí học bổ sung/chuyên đổi kiến thức, thi lại, học lại, gia hạn, phí bảo vệ luận văn... Mức thu các khoản phí này thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

- Học viên nộp học phí bằng tiền Việt Nam Đồng..

### 9. Thông tin liên hệ:

**Văn phòng tuyển sinh Sau đại học, Trường Quốc tế - ĐHQGHN**

Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (024) 367 20 999

**Hotline : 0866 540 268**

Website: <https://www.is.vnu.edu.vn/>

Email: [tuyensinhthacsi@vnui.edu.vn](mailto:tuyensinhthacsi@vnui.edu.vn)

#### **Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Website Trường Quốc tế;
- HĐTS SDH (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH, Q5

**HIỆU TRƯỞNG** *Phim*



**Lê Trung Thành**

**Phụ lục 1**  
**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4**  
**theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**Tiếng Anh**

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL  | Cambridge Exam  | Vietnamese Standardized Test of English Proficiency |
|-----------------------------|-------|--------|---|---|
| Bậc 4                       | 5.5   | 72 iBT | B1 Preliminary: 160<br>B2 First: 160<br>C1 Advanced: 160<br>B1 Business Preliminary: 160<br>B2 Business Vantage: 160<br>C1 Business Higher: 160 | VSTEP.3-5 (6.0)                                     |

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

**Phụ lục 2**  
**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong**  
**tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN**

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

**1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 4**

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận                               | Chứng chỉ<br>Tiếng Anh |
|-----|---|------------------------|
| 1   | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN                                   | √                      |
| 2   | Trường ĐH Hà Nội  | √                      |
| 3   | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế                                   | √                      |
| 4   | Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh                                  | √                      |
| 5   | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng                               | √                      |
| 6   | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                                 | √                      |
| 7   | Đại học Bách khoa Hà Nội                                      | √                      |
| 8   | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM | √                      |
| 9   | ĐH Thái Nguyên  | √                      |
| 10  | Trường ĐH Cần Thơ   | √                      |
| 11  | Trường Đại học Nam Cần Thơ                                    | √                      |
| 12  | Trường ĐH Vinh  | √                      |
| 13  | Học viện An ninh nhân dân                                     | √                      |
| 14  | Học viện Báo chí và Tuyên truyền                              | √                      |
| 15  | Trường Đại học Thương mại                                     | √                      |
| 16  | Trường Đại học Ngoại thương                                   | √                      |
| 17  | Học viện Khoa học quân sự                                     | √                      |
| 18  | Học viện Cảnh sát nhân dân                                    | √                      |
| 19  | Trường Đại học Quy Nhơn                                       | √                      |
| 20  | Trường Đại Học Tây Nguyên                                     | √                      |
| 21  | Trường Đại học Sài Gòn  | √                      |
| 22  | Trường Đại học Văn Lang                                       | √                      |
| 23  | Trường Đại học Trà Vinh                                       | √                      |
| 24  | Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM                               | √                      |
| 25  | Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM                             | √                      |
| 26  | Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM                   | √                      |
| 27  | Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM                       | √                      |

Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

## 2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ                     | Các chứng chỉ được công nhận |       |       |                |
|-----|---|------------------------------|-------|-------|----------------|
|     |   | IELTS                        | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam |
| 1   | Educational Testing Service (ETS)       |                              | √     | √     |                |
| 2   | British Council (BC)                    | √                            |       |       |                |
| 3   | International Development Program (IDP) | √                            |       |       |                |
| 4   | Cambridge ESOL                          | √                            |       |       | √              |